

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 167/2024/DS-ST  
Ngày 25-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tăng Hoàng Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174a/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Hoài T, sinh năm 1989 – Chủ hộ kinh doanh T1. Địa chỉ: Số A lộ T, khóm W, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Chị Trần Diễm M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số C khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Thạch Q, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp L, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 của nguyên đơn anh Lê Hoài T, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Trước đây, anh Nguyễn Duy M1 là chủ hộ kinh doanh Thành Long tại khóm S, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Nay anh M1 chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước đây của Hộ kinh doanh T2 cho ông Lê Hoài T theo văn bản thỏa thuận ngày 23/02/2023.

Ngày 04/4/2022, anh Nguyễn Duy M1 (Chủ hộ kinh doanh T1) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản bằng văn bản với anh Thạch Q thông qua hợp đồng bằng văn bản.

Theo đó các bên thống nhất thỏa thuận anh M1 (thông qua nhân viên hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm) có nghĩa vụ cung cấp thức ăn mang nhãn hiệu Việt H và các loại thuốc và hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm theo đơn đặt hàng của anh Q. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và được xác định theo từng thời điểm và ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại kho hàng hoặc nhờ người đến lấy theo đơn đặt hàng. Sau khi nhận hàng thì tiến hành kiểm tra về số lượng, đơn giá, chất lượng, chủng loại sau khi thống nhất thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng.

Về phương thức thanh toán hai bên thống nhất thỏa thuận anh Q chậm nhất là cuối vụ thu tôm sẽ thanh toán dứt điểm tiền hàng. Trường hợp nuôi hơn 1 vụ/năm thì phải thanh toán dứt điểm tiền hàng của vụ tôm trước thì mới tiếp tục đặt hàng. Trường hợp nuôi thất tôm vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì không được tín chiếc khấu. Tuy nhiên sau khi thu hoạch tôm thì anh Q không thanh toán dứt điểm tiền hàng. Ngày 18/4/2022 hai bên tiến hành đối chiếu, xác nhận lại công nợ khi đó anh Q nợ lại số tiền 54.734.000 đồng. Sau đó, hai bên tiếp tục giao dịch và anh Thạch Q thiếu anh M1 thêm số tiền 24.573.000 đồng. Do đó tính đến ngày 20/6/2022 anh Q còn thiếu anh M1 tổng số tiền là 79.307.000 đồng.

Nay anh Lê Hoài T yêu cầu anh Thạch Q có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Hoài T – Chủ hộ kinh doanh Thành L một lần trên tổng số tiền là 79.307.000 đồng. Anh Lê Hoài T rút lại việc yêu cầu anh Thạch Q trả số tiền lãi chậm trả là 14.649.765 đồng (lãi chậm thanh toán 10%/năm/79.307.000 đồng tương ứng với thời gian chậm thanh toán là 01 năm 10 tháng 05 ngày).

Đối với bị đơn anh Thạch Q, Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Tòa án đã triệu tập hai lần đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh Thạch Q không có văn bản nêu ý kiến và đều vắng mặt các lần Tòa án triệu tập nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Tại phiên tòa, bị đơn anh Thạch Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

[3.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn rút lại việc yêu cầu bị đơn anh Thạch Q trả số tiền lãi chậm trả là 14.649.765 đồng. Việc nguyên đơn rút lại yêu cầu này là tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Từ ngày 04/4/2022 đến ngày 20/6/2022, anh Nguyễn Duy M1 (Chủ hộ kinh doanh T1) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản bằng với anh Thạch Q thông qua hợp đồng bằng văn bản. Việc hai bên mua bán có ký tên vào sổ giao nhận hàng. Khi kết toán lại, anh Thạch Q còn nợ anh M1 số tiền 79.307.000 đồng. Đến ngày 23/02/2023, anh Nguyễn Duy M1 đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh Hộ kinh doanh T2 (do anh M1 làm chủ hộ) cho ông Lê Hoài T, theo biên bản thỏa thuận ngày 23/02/2023 và được chứng thực cùng ngày tại Ủy ban nhân dân phường V.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa đã tiến hành tổng đạt Thông báo cho bị đơn anh Thạch Q, anh Q đã nhận được Thông báo của Tòa án và không có ý kiến về việc anh T khởi kiện yêu cầu anh Q thanh toán nợ. Tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản nêu trên nhưng bị đơn anh Q đều vắng mặt. Việc bị đơn anh Q nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nêu trên (trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa) của Tòa án mà không có ý kiến và đều vắng mặt, nên được xem như bị đơn đã thống nhất với số nợ mà phía nguyên đơn đặt ra. Mặt khác, tại bảng đối chiếu công nợ ngày 18/4/2022, bị đơn anh Q đã ký và ghi họ tên xác nhận là anh Thạch Q còn nợ đối với anh M1 số tiền là 54.734.000 đồng. Sau đó anh Q tiếp tục mua thêm các loại thức ăn và thuốc thủy sản của anh M1 với số tiền là 24.573.000 đồng (số tiền này giữa anh Q và anh M1 được ký đối chiếu vào sổ giao nhận hàng). Do đó tính đến ngày 20/6/2022 anh Q còn thiếu anh M1 tổng số tiền là 79.307.000 đồng.

[5] Sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 18/4/2022 và ngày 20/6/2022, thì anh Q còn nợ anh Nguyễn Duy M1 số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 79.307.000 đồng. Sau thời điểm nêu trên, anh Lê Hoài T (được anh M1 chuyển giao quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động mua bán của anh M1) đã nhiều lần yêu cầu anh Q thanh toán nợ nhưng đến nay anh Q vẫn chưa thanh toán cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4] và [5], Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn anh Lê Hoài T - Chủ hộ kinh doanh Thành Long yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Thạch Q thanh toán số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn thiếu 79.307.000 đồng là có cơ sở chấp nhận và cần buộc anh Thạch Q thanh toán số tiền nêu trên cho anh T là đúng với quy định của pháp luật.

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lê Hoài T có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng anh Thạch Q phải trả lãi suất cho anh T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Hoài T - Hộ kinh doanh T2, về việc yêu cầu bị đơn anh Thạch Q trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn thiếu đối với ông T là 79.307.000 đồng.

Buộc bị đơn anh Thạch Q thanh toán số tiền 79.307.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn đồng*) cho anh Lê Hoài T - Hộ kinh doanh T2.

2. Đình chỉ việc nguyên anh Lê Hoài T – Hộ kinh doanh T2 rút lại yêu cầu bị đơn anh Thạch Q trả số tiền lãi chậm trả với số tiền 14.649.765 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lê Hoài T - Hộ kinh doanh T2 có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng anh Thạch Q phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn anh Thạch Q phải chịu số tiền 3.965.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn anh Lê Hoài T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.348.919 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004801 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Đặng Văn Đua**